TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 23 - 8 - 2023
"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Ninh và ông Đỗ Cao Thế
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hồng K, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt, có giấy ủy quyền cho anh V tham gia tố tụng.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt, có giấy ủy quyền cho anh V tham gia tố tụng.

3. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4. Ông Phạm Ngọc Q, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

5. Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

6. Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt, có giấy ủy quyền cho anh V tham gia tố tụng.

7. Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt, có giấy ủy quyền cho anh V tham gia tố tụng.

8. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt, có giấy ủy quyền cho anh Vương tham gia tố tụng.

9. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

10. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt, có giấy ủy quyền cho anh Vương tham gia tố tụng.

11. Ông Phạm Văn L sinh năm 1952, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt. Có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bố bà là Nguyễn Quốc T và mẹ bà là Từ Thị H kết hôn năm 1956 sinh ra bốn người con bao gồm: Nguyễn T, sinh năm 1958 (đã chết), địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nguyễn Thị L, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn T, xã Võ Ninh, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nguyễn Thị L, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nguyễn Thị L, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Bố bà mất từ năm 1966, đến năm 1968 mẹ bà có quan hệ với ông Phạm Văn B, sinh ra ba người con gồm: Phạm Thị Đ, sinh 1968, địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Phạm Ngọc Q, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Phạm Hồng K, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Mẹ bà có một thửa đất của ông bà nội bài để lại bản đồ tờ số 06 thửa đất số 679 có diện tích 520m^2 mang tên Từ Thị H tại thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình được UBND huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,ngày 22/10/1992. Vào năm 2000 mẹ bà chết không kịp để lại di chúc, trước lúc mẹ bà lâm chung mẹ bà có giao sổ đỏ cho anh bà là Nguyễn T, mẹ bà có nói miếng đất ba con để lại mẹ giao lại cho con để đi sửa lại sổ quyền sử dụng đất nhưng chưa đổi được thì mẹ bà đã qua đời. Sau đó Phạm Hồng K mượn sổ về để đo đất rồi cất luôn không giao lại cho anh bà. Đến năm 2021 anh bà có kêu gọi anh chị em tập trung lại để phân chia di sản nhưng Phạm Hồng K không chấp nhận. Nay bà làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nói trên cho các anh em bà theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị đơn ông Phạm Hồng K: Từ khi ông sinh ra được cha mẹ ông nuôi dạy cho ăn học và đi bộ đội, ba năm sau đó về quê sống cùng cha mẹ và phụng dưỡng cha mẹ, sau khi cha mẹ ông mất và giao lại cho ông ở tại mảnh đất của cha mẹ (hiện tại). Trước khi mẹ ông mất mẹ ông giao lại cho ông hộ khẩu và giấy sử dụng đất ở và giấy sử dụng đất, màu và đất ruộng và mẹ anh có di ngôn lại cho ông chỉ được ở và thờ phụng cha mẹ không được bán, chia, cho. Sau khi bố mẹ ông mất đi nhà cửa trập trệ hư hỏng không thể dùng được nên ông phải làm nhà để thờ phụng cha mẹ. Vào năm 2006 trong những năm ông được cha mẹ để lại, ông đã xây dựng xây đắp đất đai và nạp đầy đủ các vấn đề thuế nhà nước. Quá trình sinh sống vợ chồng ông đã xây nhà trên đất ở trên đất này và tôn tạo trên phần đất vườn; phần tôn tạo đất ông đỗ thêm 400m^3. Số cây trên đất ông đã trồng tất cả các loại cây đã được định giá.

Ý kiến của Ông Phạm Hồng Q: Mẹ ông là Từ Thị H, mất năm 2000 có để lại cho em ông thửa đất số 679, tờ bản đồ số 6 có diện tích 520m^2 mang tên Từ Thị H

tại thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Mẹ ông mất mẹ ông không kịp di chúc mà để lại di ngôn cho em ông chỉ được ở để thờ phụng, không được bán, không được cho không được chia. Nên việc chia di sản của mẹ ông là ông không đồng ý.

Ý kiến của bà Phạm Thị Đ: Mẹ bà là Từ Thị H chết vào năm 2000 trước khi chết mẹ bà có để lại di ngôn là giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất cho em là Phạm Hồng K sử dụng thờ phụng không được chia, bán, cho ai nay chị Lê yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất nói trên bà không có quyền đồng ý. Bà nhận phần thừa kế của bà và bà nhường lại cho ông Phạm Hồng K. Đối với phần nhà ba gian năm 1983 sập nhà nên bố mẹ tôi mua lại nhà của cậu ruột tôi (Q) làm lại mới hoàn toàn; ba bức rầm do bố mẹ tôi đi mua nay không còn đã mục nát từ năm 1997.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị L: Phần đất mẹ bà để lại cho bà nay bà giao lại cho cháu là Nguyễn Đình V đứng ra giải quyết phân chia di sản thừa kế của mẹ bà để lại.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị L: Phần đất mẹ bà để lại cho bà nay bà giao lại cho cháu là Nguyễn Đình V đứng ra giải quyết phân chia di sản thừa kế của mẹ bà để lại.

Ý kiến của anh Nguyễn Đình V: Anh xin nhận phần đất của ba anh để lại cho anh mong Tòa án xem xét, giải quyết và anh nhận lại những tài sản nhường lại cho anh từ các đồng thừa kế khác giao gồm bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình D, Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy T, Nguyễn Thị N và bà Phạm Thị L.

Ý kiến của Nguyễn Đình D: Đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản thừa kế. Anh xin nhận phần thừa kế của ba anh là ông Nguyễn T và giao lại phần thừa kế đó cho em là Nguyễn Đình V.

Ý kiến của chị Nguyễn Thị N: Phần đất thừa kế của ba chị để lại cho chị và giao lại cho anh là Nguyễn Đình Vương.

Ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị T: Năm 1999 chị lấy chồng về sinh sống cùng anh K từ đó đến nay quá trình chung sống vợ chồng chị đã xây dựng nhà cấp bốn theo như kết quả thẩm định và định giá và có tôn tạo đất như lời khai của anh K.

Ý kiến trình bày của bà Phạm Thị L: Bà xin nhận phần di sản thừa kế được hưởng của ông Nguyễn T từ bà Từ Thị H và giao lại phần được hưởng đó cho con Nguyễn Đình V.

Ý kiến của ông Phạm Văn L: Ông có bố là Phạm Văn B và mẹ là Phạm Thị L, mẹ mất năm 1967, bố mất năm 1999. Ông là con duy nhất của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị L. Hiện nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện chia di sản thừa kế thửa đất 679 tờ bản đồ số 06 mang tên Từ Thị H là tài sản của bố ông và bà Từ Thị H. Ông xin nhận phần thừa kế của bố ông và ông giao lại cho em ông là anh Phạm Hồng K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo quy định pháp luật.

2. Hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 khoản 5 Điều 147, khoản Điều 157; khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố dụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609; 610; 611; 612; 613; 616; 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 654; Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 1 Luật đất đai năm 1987; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lê về việc chia di sản thừa kế của cụ Từ Thị H và cụ Phạm Văn B đối với thửa đất tọa lạc tại thôn Thượng Hậu, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình với diện tích 520m^2 được UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Từ Thị H cho 08 người con của cụ H gồm: bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn T (ông T mất năm 2021, ông Thuận có vợ và 04 người con gồm bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Đình D, anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Đình V và chị Nguyễn Thị N), bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Ngọc Q, ông Phạm Hồng K. Ngoài ra ông Phạm Văn B có 01 người con riêng với bà Phạm Thị L là ông Phạm Văn L, sinh 10/5/1952, do đó ông Phạm Văn L được hưởng 1 phần di sản thừa kế của ông Phạm Văn B để lại.

Khối tài sản của cụ Phạm Văn B và cụ Từ Thị H là lô đất có diện tích 520m^2 có trị giá 226.560.000 đồng được chia cho 09 phần bằng nhau, mỗi phần được hưởng 55,7m^2 có trị giá 25.173.333 đồng, trong đó ông Phạm Hồng K là người trực tiếp quản lý di sản, là người có công sức tôn tạo di sản. Ngoài phần đất được hưởng như các đồng thừa kế khác, ông K được hưởng thêm 1,5 phần đất được chia. (Ông Kỳ được hưởng 2,5 phần đất). Riêng ông Phạm Văn L được hưởng 1/2 của phần đất được chia (ông L được hưởng phần thừa kế từ ông Phạm Văn B).

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Văn L cho ông Phạm Hồng K phần tài sản của mình; Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Đình D, anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Đình V phần tài sản của mình.

Cụ thể: Chia cho ông Phạm Hồng K sở hữu phần đất có diện tích 289m2, có giá trị 125.858.700 đồng, trong đó có 111.1m2 đất ở và 177.9m^2 đất màu, trên đất có nhà ở và cây lưu niên. Chia cho anh Nguyễn Đình V sở hữu phần đất có diện tích 231 m^2, có giá trị 100.701.300 đồng, trong đó có 88.9m^2 đất ở và 142.1m^2 đất màu. Tạm giao cho ông Phạm Hồng K 18,2 m^2 đất khai hoang liền kề với phần đất được

chia cho ông K; Tạm giao cho anh Nguyễn Đình V 14.6m^2 đất khai hoang liền kề với phần đất được chia cho anh V. Ông K và anh V có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động. Đối với nhà ở và cây trên đất là tài sản của vợ chồng ông Phạm Hồng K, bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Hồng K và anh Nguyễn Đình V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản đối với anh Phạm Hồng K. Ông K cư trú trên địa bàn huyện Quảng Ninh nên theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Tại giải đáp số 01/2018/GĐ-TATC, đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990. Tại khoản 1 Điều 623 của Bộ Luật dân sự 2015 quy định: "*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*". Ngày 09/6/2022, Tòa án huyện Quảng Ninh nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lê. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hường và cụ Bôi vẫn còn.

[3] Về xác định di sản thừa kế của người chết để lại:

Thửa đất tọa lạc tại thôn Thượng Hậu, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình với diện tích 520m^2 ban đầu do cụ T và cụ H tạo lập. Năm 1966, cụ T mất không để lại di chúc, hiện nay trên đất không có nhà ở hoặc vật kiến trúc do cụ T để lại. Năm 1968, cụ H chung sống với cụ B nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù hai cụ không đăng ký kết hôn nhưng theo Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ giữa cụ B và cụ H vẫn được công nhận là vợ chồng. Năm 1991, UBND huyện Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ H. Theo quy định tại Điều 1 Luật đất đai năm 1987 thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý; tại Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 quy định *"Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác... Tài sản có tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, các thu nhập hợp pháp khác".* Như vậy, theo Luật đất đai năm 1987 và Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì đất đai không phải di sản thừa kế. Tại điểm a mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về pháp lệnh thừa kế có nêu *"Đất đai thuộc quyền sở*

hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không thể trở thành di sản của công dân chết". Vì vậy, diện tích 520m^2 không phải là di sản của cụ T mà di sản đó thuộc của cụ H và cụ B.

[4] Về di chúc: Các đồng thừa kế đều thừa nhận cụ Nguyễn Quốc Thảo chết năm 1966 và cụ Từ Thị H chết năm 2000, cụ Phạm Văn B chết năm 1999 không để lại di chúc. Các đồng thừa kế của hai cụ H và cụ B đều thừa nhận cụ B có 01 con riêng và không con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc; di sản thừa kế hai cụ để lại là 01 thửa đất số 06 thửa đất số 679 có diện tích 520m^2 trong có 200 m^2 mang tên Từ Thị H tại thôn Thượng Hậu, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình được UBND huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/10/1992. Nay là thửa đất số 840 tờ bản đồ số 12 (Bản đồ địa chính), có diện tích 552,8m^2.

Do vậy, theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình giải quyết tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật.

[5] Về xác định hàng thừa kế, những người được hưởng thừa kế của cụ Phạm Văn B và cụ Từ Thị H: Cụ H có 4 người con riêng, các con riêng của cụ H sống chung với cụ H và cụ B cho đến khi trưởng thành. Theo Điều 682 Bộ luật dân sự năm 1995 nay là Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Con riêng và bố dượng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo quy định tại Điều 652 và Điều 653 của Bộ luật này".* Các đồng thừa kế đều thừa nhận0 4 người con riêng của cụ Hường được cụ Bôi nuôi dưỡng đến khi họ lập gia đình. Như vậy, có cơ sở xác định những người được hưởng di sản của cụ Phạm Văn B và cụ Từ Thị H ở hàng thừa kế thứ nhất hiện tại là 08 người gồm: ông Nguyễn T (ông T mất năm 2021, ông T có vợ và 04 người con gồm bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Đình D, anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Đình V và chị Nguyễn Thị N), bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Hồng K. Ngoài ra ông Phạm Văn B có 01 người con riêng với bà Phạm Thị L là ông Phạm Văn L, sinh 10/5/1952, do đó ông Phạm Văn L được hưởng 1 phần di sản thừa kế của ông Phạm Văn B là đúng với quy định các Điều 613, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Về di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế:

Cụ Từ Thị H và cụ Phạm Văn B được quyền quản lý, sử dụng 01 thửa đất số 06 thửa đất số 679 có diện tích 520m^2, trong có 200 m^2 mang tên Từ Thị H tại thôn Thường Hậu, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình được UBND huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/10/1992. Nay là thửa đất số 840 tờ bản đồ số 12 (Bản đồ địa chính), có diện tích 552,8m^2, tăng so với bản đồ giải thửa là 32,8 m^2. Trong đó đất ở 200m^2 đất có trị giá: 216.000.000 đồng và đất trồng cây hàng năm khác 320m^2 có trị giá: 10.560.000 đồng. Tổng trị giá thửa đất: 226.560.000 đồng.

Đối với tài sản trên đất và công sức quản lý, tôn tạo di sản: Năm 1999, cụ B mất, năm 2000, cụ H mất, ông K là người trực tiếp trông coi, bảo quản di sản của hai cụ. Năm 2006, nhà cũ nát, hư hỏng, vợ chồng ông K tự bỏ tiền xây dựng nhà mới và ở cho đến nay; Số cây trên đất là của vợ chồng ông K trồng, chăm sóc. Vì

vậy, cần xác định ngôi nhà và số cây này là tài sản của vợ chồng ông K; ngoài ra trong quá trình quản lý, sử dụng đất, vợ chồng ông K còn đổ thêm đất, cải tạo đất... nên cần phải tính công sức đóng góp cho vợ chồng ông K.

Khối tài sản của cụ Phạm Văn B và cụ Từ Thị H là lô đất có diện tích 520m^2 có trị giá 226.560.000 đồng được chia cho 09 phần bằng nhau, mỗi phần được hưởng 55,7m^2 có trị giá 25.173.333 đồng, trong đó ông Phạm Hồng K là người trực tiếp quản lý di sản, là người có công sức tôn tạo di sản. Ngoài phần đất được hưởng như các đồng thừa kế khác, ông K được hưởng thêm 1,5 phần phần đất được chia (ông K được hưởng 2,5 phần đất). Riêng ông Phạm Văn L được hưởng 1/2 của phần được chia. (ông L được hưởng phần đất của ông Bôi)

Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà có diện tích 58,9m^2, trị giá 156.143.000 đồng, mái lợp tôn xà gồ thép trị giá 11.368.500 đồng là tài sản riêng vủa vợ chồng ông Phạm Hồng K và bà Nguyễn Thị T các đồng thừa kế không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào giá trị di sản của từng người được nhận, căn cứ vào thực tế việc sử dụng tài sản của đương sự hiện tại để phân chia di sản cho phù hợp và tạo điều kiện cho tiếp tục sử dụng tài sản một cách thuận lợi nhất.

Chấp nhận sự tự nguyên của bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Văn L cho ông Phạm Hồng K phần tài sản của mình; Chấp nhận sự tự nguyên của bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Đình D, anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Đình V phần tài sản của mình;

Hiện tại ông K đang sử dụng sinh sống trên căn nhà nằm trên phần đất di sản. Nên giao cho ông Kỳ phần đất có căn nhà.

[7] Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn V, anh Phạm Hồng K đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, tại phiên tòa Anh V, anh K trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các đồng thừa kế cùng chịu chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Hồng K và anh Nguyễn Văn V chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 khoản 5 Điều 147, Điều 157; khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố dụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 649 điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 654; Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 1 Luật đất đai năm 1987; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, 01 thửa đất số 06 thửa đất số 679 có diện tích 520m^2 trong có 200 m^2 mang tên Từ Thị H tại thôn Thượng Hậu, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 22/10/1992. Nay là thửa đất số 840 tờ bản đồ số 12 (Bản đồ địa chính), có diện tích 552,8m^2, tăng so với bản đồ giải thửa là 32,8 m^2 .

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa:

- Giữa bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Ngọc Q, Phạm Văn L và ông Phạm Hồng K về việc ông Phạm Thị Đ, ông Phạm Ngọc Q và Phạm Văn L nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hồng K.

- Giữa bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Đình D, anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Đình V về việc bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Đình D, anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị N nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Đình V.

3. Phân chia di sản thừa kế cho các đương sự:

* Chia cho anh Phạm Hồng K được sở hữu diện tích đất 307,0m^2 (trong đó gồm 111.1 m^2 đất ở, 195,9m^2 đất trồng cây hàng năm khác và có 18,2 m^2 phải đến cơ quan chức năng đăng ký biến động), trị giá 125.866.667đ (Một trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp với thửa 822 từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 11,11 mét và thửa 895 từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước 7,78 mét. Phía Nam giáp với thửa đất 854 từ điểm 3 đến điểm 7 có kích thước 16,86 mét. Phía Tây giáp với thửa 840 S2 từ điểm 7 đến điểm 6 có kích thước 16,86 mét. Phía Bắc giáp với đường giao thông từ điểm 1 đến điểm 6 có kích thước 16,62mét. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo).

* Chia cho anh Nguyễn Đình V được sở hữu diện tích đất 245,8m^2 (trong đó: gồm 88,9 m^2 đất ở, 156.9 m^2 đất trồng cây hàng năm khác và có 14,6 m^2 phải đến cơ quan chức năng đăng ký biến động), trị giá 100.693.333đ (Một trăm triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng), có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp với thửa 840 S1 từ điểm 6 đến điểm 7 có kích thước 16,86 mét. Phía Nam giáp với thửa đất 854 từ điểm 4 đến điểm 7 có kích thước 14,34 mét. Phía Tây giáp với đất ruộng từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước 16,82 mét. Phía Bắc giáp với đường giao thông từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước 14,10 mét. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo)

4. Về án phí dân sự:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003859 ngày 06/6/2022. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Hồng K phải chịu 6.293.333 đ (Sáu triệu hai trăm chín mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Đình V phải chịu 5.034.667 đ (Năm triệu không trăm ba mươi tư ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Võ Ninh;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường